

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2024

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T D1** - sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn P** - sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T D1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T9, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 11/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được vài tháng đã bắt đầu mâu thuẫn, từ năm 2022 thì mâu thuẫn nhiều hơn, nguyên nhân là do anh P1 xuyên chơi bời không quan tâm đến vợ con, chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh P2 không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8/2023, chị đã đưa cháu Hoàng A nhà để ở và chị không quay về chung sống với anh P3. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh P không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 8/2023 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P4 còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh P5 hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Chị và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 ngày 09/6/2019 và cháu Nguyễn Hoàng A1 ngày 06/7/2023. Cháu T2 ở với bố, cháu H A1 đang ở với

mẹ. Ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi dưỡng cháu H A1 anh P nuôi dưỡng cháu T3 bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị có cửa hàng Smở tại nhà để chị, thu nhập 07 triệu đồng/tháng, nên cũng đủ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu H A1. Chị đang ở cùng với bố mẹ, điều kiện về nơi ở tại nhà ngoại cũng thuận tiện, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị mọi mặt để nuôi con, vì vậy, chị đề nghị được nuôi cháu H A1. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị D1. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau. Tháng 10/2023 thì chị D1 bỏ về nhà để ở, anh có đến tìm vài lần nhưng chị D1 không về, hai bên gia đình có gặp nhau để khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 10/2023. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị D1 vẫn còn, vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, chị D1 xin ly hôn anh không nhất trí, mong chị D1 suy nghĩ lại và rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị D1 cương quyết xin ly hôn thì anh đành phải chịu, anh giữ người ở chứ không giữ người đi. Anh và chị D1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 ngày 09/6/2019 và cháu Nguyễn Hoàng A1 ngày 06/7/2023. Cháu T2 ở với anh, cháu H A1 đang ở với mẹ. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con, anh nuôi dưỡng cháu T4 D1 nuôi dưỡng cháu H A1 hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh làm nghề cơ khí tại nhà thu nhập từ 10 đến 15 triệu đồng/tháng và đang ở cùng với bố mẹ, nhà đất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ anh còn khoẻ mạnh sẽ hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu T5 Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình ông Nguyễn Xuân B xác định: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T D1 và là ông ngoại của cháu Nguyễn Anh T6 cháu Nguyễn Hoàng A2. Quá trình chung sống, chị D1 và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P6 bời, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 8/2023 chị D2 đưa cháu Nguyễn Hoàng A3 chung sống cùng với ông bà và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị D1 xin ly hôn anh P7 anh chị tự quyết định, ông không can thiệp. Anh P8 D1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 ngày 09/6/2019 và cháu Nguyễn Hoàng A1 ngày 06/7/2023, cháu T2 ở với bố, cháu H A1 đang ở với mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D1 anh P. Trường hợp Toà án giao cho chị D1 nuôi cháu H A1, ông bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị D1 chỗ ăn ở và giúp chị D1 chăm sóc con với điều kiện tốt nhất. Quá trình chung sống vợ chồng anh P8 D1 không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của bà Nguyễn Thị N xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn P và là bà nội của cháu Nguyễn Anh T6 cháu Nguyễn Hoàng A2. Trong thời gian

chung sống anh P8 D1 có mâu thuẫn. Tháng 10/2023 chị D1 bỏ nhà về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị D1 xin ly hôn anh P9 mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Anh P8 D1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T6 cháu Nguyễn H1 A1 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh P8 D1. Quá trình chung sống anh P8 D1 không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T có quan điểm: Anh Pchị D1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T9, huyện T thời gian chung sống anh Pchị D1 có xảy ra mâu thuẫn, chị D1 đã bỏ về nhà đẻ ở. Việc mâu thuẫn của anh P8 D1 cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị D1 xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị D1, anh P vẫn giữ nguyên quan điểm, chị D1 xin ly hôn, anh P4 đồng ý ly hôn. Chị D1, anh P10 thuận, đề nghị Tòa án giao cháu T7 anh P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H1 A1 cho chị D1 tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D1 anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

ề việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T D1 được ly hôn anh Nguyễn Văn P11

Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng A1 ngày 06/7/2023 cho chị Nguyễn Thị T D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Anh T1 ngày 09/6/2019 cho anh Nguyễn Văn P12 tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh P8 D1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D1 anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị T D1 anh Nguyễn Văn P, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T D1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị T D1 là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn P là bị đơn; Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị T D1 nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T D1 và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T9, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 11/3/2019. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị D1 phù hợp với lời khai của anh P13 lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị D1 và anh P có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị D1 xác định tình cảm giữa chị và anh P4 còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh P. Anh P14 định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Anh P15 muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp khắc phục, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị D1 và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị T D1 được ly hôn anh Nguyễn Văn P theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị D1 và anh P có D1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1 ngày 09/6/2019 và cháu Nguyễn Hoàng A1 ngày 06/7/2023. Ly hôn chị D1 và anh P thỏa thuận mỗi người nuôi một con, chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 A1 và anh P tiếp tục nuôi dưỡng cháu T3 bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng của chị D1 và anh P thấy rằng: Chị D1 và anh P đều là lao động tự do, chị D1 thu nhập 07 triệu đồng/tháng, anh P16 nhập từ 10- 15 triệu đồng/tháng, có nơi ăn ở, như vậy chị D1 và anh P đều đủ điều kiện để nuôi con. Chị D1 và anh P không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu H1 A1 cho chị D1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Anh T8 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D1 và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn Nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:* Chị Nguyễn Thị T D1 và anh Nguyễn Văn P, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T D1 khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T D1 được ly hôn anh Nguyễn Văn P11

2- *Về con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng A1 ngày 06/7/2023 cho chị Nguyễn Thị T D1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Anh T1 ngày 09/6/2019 cho anh Nguyễn Văn P17 tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh P8 D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T D1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số: 0001584 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị D1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện;
- (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến

